

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm ngay từ đầu phiên sáng xuống ngưỡng 1,845. Sau đó, lực cầu bắt đáy tại đây giúp chỉ số hồi phục phần nào và đóng cửa tại mốc 1,864.80 điểm, giảm gần 30 điểm so với hôm qua. Đóng góp phần lớn cho đà giảm của thị trường hôm nay là nhóm cổ phiếu Vin và một số cổ phiếu ngân hàng vốn hóa lớn, trong khi vận động của thị trường chung không quá tiêu cực. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 10/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp,...Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Trong ngắn hạn, thị trường có thể thu hẹp biên độ dao động để hình thành nền giá quanh ngưỡng 1,865.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 15/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-29.64** điểm, đóng cửa tại **1864.8** điểm. HNX-Index **-0.16** điểm, đóng cửa tại **253.16** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HDB (+2.22)**, **STB (+1.63)**, **VNM (+1.58)**, **GEE (+1.25)**, **BCM (+1.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-11.61)**, **VCB (-7.08)**, **BID (-5.42)**, **VHM (-5.38)**, **CTG (-2.38)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **39,667** tỷ đồng, giảm **-6.20%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 41,050 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 38.24 điểm. Thị trường có **177** mã tăng, 58 mã tham chiếu, **147** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-841.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-160.45 tỷ)**, **VCI (-149.28 tỷ)**, **SSI (-144.64 tỷ)**, **VIX (-123.91 tỷ)**, **SHB (-97.15 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-90.33** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.21%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+6.87%)
STB (+6.84%)
DGC (+5.32%)
- BSC50 **+0.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
CMG (+6.89%)
BVH (+6.86%)
PLX (+6.80%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.21%	0.13%	-1.56%	-0.95%
1 tuần	4.85%	4.20%	0.50%	-1.28%
1 tháng	12.45%	6.05%	11.05%	7.21%
3 tháng	8.19%	-2.58%	7.72%	3.56%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,864.80	253.16	126.08
% 1D	-1.56%	-0.06%	0.95%
GTKL (tỷ VND)	39,667	2,016	1,188
%1D	-6.20%	-28.61%	-44.91%
GDNN (tỷ VND)	-841.83	-90.33	-75.52

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	211.16	MSN	-160.45
VCB	158.65	VCI	-149.28
TCX	56.64	SSI	-144.64
STB	51.92	VIX	-123.91
MBB	47.96	SHB	-97.15

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

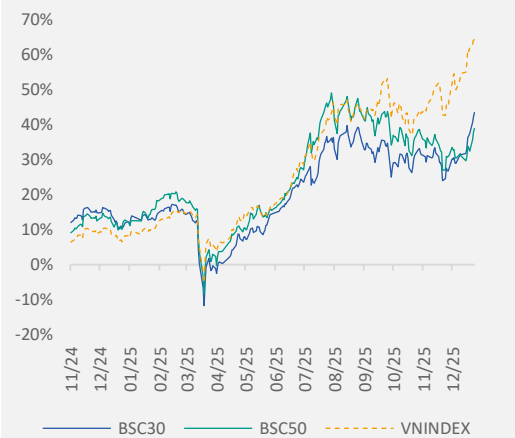
		%D	%W
SPX	6,927	-0.53%	0.08%
FTSE100	10,183	-0.01%	1.38%
Eurostoxx	6,025	0.19%	2.02%
Shanghai	4,113	-0.33%	0.73%
Nikkei	54,111	-0.42%	4.11%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.31	-1.42%
Giá vàng	4,605	-0.22%
Tỷ giá		
USD/VND	26,391	
EUR/VND	31,370	-0.04%
JPY/VND	170	0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

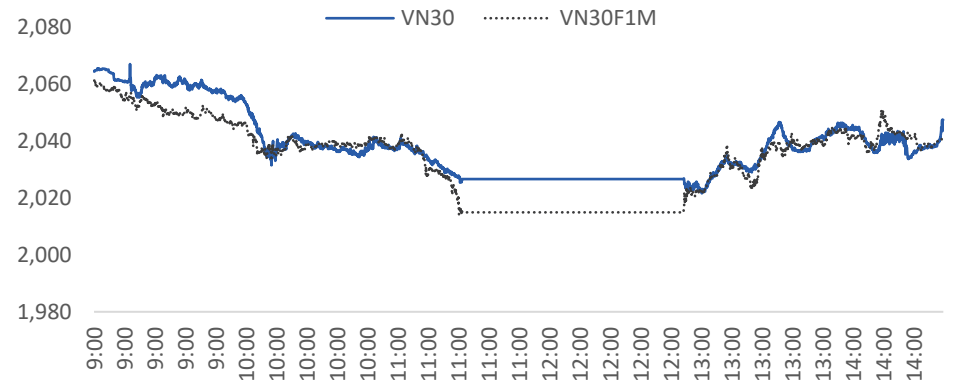
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	2039.80	-1.30%	314,189	-0.8%	15/01/2026	0
41I1G6000	2040.00	-0.73%	33	-21.4%	18/06/2026	154
41I1G1000	2039.80	-1.30%	314,189	-0.8%	15/01/2026	0
41I1G3000	2040.40	-0.27%	94	3.30%	19/03/2026	63

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -19.62 điểm, đóng cửa tại 2047.48 điểm. Biên độ dao động 41.58 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, VJC, MWG, FPT tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 chìm trong sắc đỏ từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2529	25/03/2026	69	1,406,200	16.23%	65.50	840	100.0%	0.75	67.18	57.80	57.80
CSTB2531	9/03/2026	53	1,314,700	10.21%	60.10	1,200	84.6%	0.87	63.70	57.80	57.80
CSTB2535	11/05/2026	116	86,600	27.73%	71.70	710	65.1%	0.45	73.83	57.80	57.80
CSTB2528	23/02/2026	39	1,617,600	0.76%	49.00	3,080	51.0%	3.11	58.24	57.80	57.80
CSTB2524	23/06/2026	159	25,000	13.75%	53.90	2,370	44.5%	1.70	65.75	57.80	57.80
CSTB2519	23/06/2026	159	411,700	6.92%	51.00	3,600	42.9%	3.43	61.80	57.80	57.80
CSTB2512	23/02/2026	39	22,600	1.11%	46.00	3,110	40.1%	3.03	58.44	57.80	57.80
CSTB2520	23/03/2026	67	234,400	0.80%	48.00	3,420	39.6%	3.58	58.26	57.80	57.80
CVNM2519	4/05/2026	109	821,400	6.23%	65.96	990	39.4%	0.75	75.43	71.00	71.00
CTPB2505	3/03/2026	47	43,500	7.80%	14.94	1,000	38.9%	0.69	18.76	17.40	17.40
CVNM2509	23/02/2026	39	199,800	2.37%	66.48	840	37.7%	0.72	72.68	71.00	71.00
CVNM2518	3/04/2026	78	311,300	4.09%	65.11	920	37.3%	0.76	73.91	71.00	71.00
CSTB2521	23/06/2026	159	1,428,400	6.71%	50.00	2,920	37.1%	2.74	61.68	57.80	57.80
CSTB2530	25/06/2026	161	124,700	23.43%	67.80	1,770	36.2%	1.48	71.34	57.80	57.80
CSTB2538	26/05/2026	131	171,400	5.09%	54.50	2,080	34.2%	2.51	60.74	57.80	57.80
CHPG2528	23/02/2026	39	1,354,000	11.88%	30.00	440	33.3%	0.23	30.88	27.60	27.60
CSTB2534	9/02/2026	25	44,500	25.16%	71.70	320	33.3%	0.02	72.34	57.80	57.80
CVNM2503	26/03/2026	70	599,200	3.68%	63.21	2,270	32.7%	1.90	73.61	71.00	71.00
CSTB2527	25/06/2026	161	59,300	24.84%	66.56	1,120	31.8%	0.66	72.16	57.80	57.80
CSTB2532	8/09/2026	236	209,400	30.22%	68.70	2,190	28.1%	1.36	75.27	57.80	57.80

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 15/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2529 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CMBB2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 3.83%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVRE2525, CDGC2501, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2511, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HDB	29.55	6.87%	2.22	5.01
STB	57.80	6.84%	1.63	1.89
VNM	71.00	4.87%	1.58	2.09
GEE	223.60	6.99%	1.25	0.37
BCM	77.90	6.13%	1.08	1.04

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	102.30	10.00%	1.35	0.23
KSV	153.30	1.93%	0.33	0.20
DTK	13.10	4.80%	0.24	0.68
KSF	66.00	0.61%	0.20	0.90
CEO	19.50	2.09%	0.13	0.57

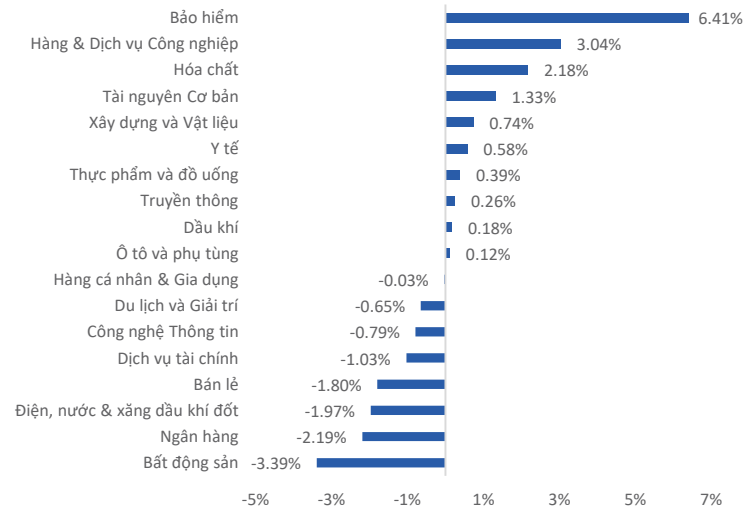
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GEE	223.60	6.99%	1.29	1.47
VPG	5.82	6.99%	0.01	0.18
PGV	23.10	6.94%	0.41	0.34
MIG	20.05	6.93%	0.07	1.39
PHR	67.90	6.93%	0.14	2.32

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ADC	20.00	9.89%	0.03	0.00
OCH	6.70	9.84%	0.55	0.05
TET	40.20	9.84%	0.09	0.00
TPP	11.50	9.52%	0.29	0.03
PTD	8.40	9.09%	0.06	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	153.00	-4.49%	-11.61	7.73
VCB	71.90	-5.39%	-7.08	8.36
BID	50.70	-6.97%	-5.42	7.02
VHM	120.00	-4.99%	-5.38	4.11
CTG	40.00	-3.50%	-2.38	7.77

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	39.70	-1.49%	-0.17	0.51
SHS	20.50	-1.44%	-0.15	0.90
NVB	13.90	-0.71%	-0.11	1.92
IDC	39.50	-1.25%	-0.11	0.38
NTP	72.80	-1.49%	-0.10	0.17

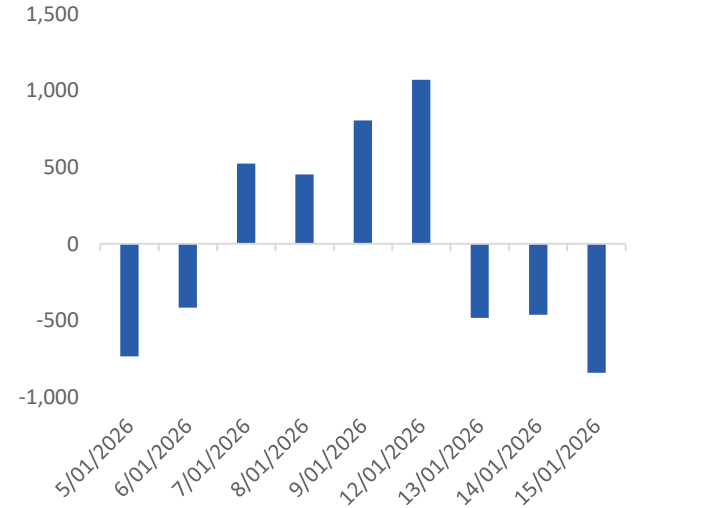
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	50.70	-6.97%	-5.61	26.50
HU1	6.24	-6.87%	0.00	0.00
FDC	16.10	-6.40%	-0.01	0.00
OPC	22.10	-5.96%	-0.02	0.00
TCR	2.73	-5.86%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTT	26.90	-9.73%	-0.05	0.00
ATS	17.80	-9.64%	-0.03	0.00
DST	12.30	-9.56%	-0.16	0.07
SDN	23.00	-8.00%	-0.02	0.00
QST	25.60	-7.91%	-0.03	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.0	-2.3%	1.2	126,287	671.2	3,957	21.7		47.9%	
KBC	Bất động sản	36.3	0.7%	1.1	33,950	238.0	1,872	19.3		10.3%	
KDH	Bất động sản	30.1	3.6%	1.1	32,600	268.6	857	33.9		27.7%	
PDR	Bất động sản	17.9	0.6%	1.4	17,711	307.2	211	84.2		8.4%	
VHM	Bất động sản	120.0	-5.0%	1.4	518,766	2335.8	6,133	20.6		8.6%	
FPT	Công nghệ Thông tin	98.5	-1.3%	0.8	170,010	1033.3	5,280	18.9		39.3%	
BSR	Dầu khí	20.7	-3.3%	0.0	107,156	622.2	413			1.3%	
PVS	Dầu khí	39.7	-1.5%	1.4	20,610	462.4	2,841	14.2		14.7%	
HCM	Dịch vụ tài chính	26.1	-1.7%	1.2	28,619	859.1	1,319	20.1		34.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.7	-2.1%	1.1	83,078	1397.8	1,842	18.1		33.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.9	-1.8%	0.9	30,179	399.2	1,566	22.7		17.2%	
DCM	Hóa chất	35.7	-2.7%	1.1	19,429	127.0	3,578	10.3		3.9%	
DGC	Hóa chất	67.3	5.3%	1.1	24,268	488.6	8,296	7.7		6.2%	
ACB	Ngân hàng	24.9	1.0%	0.8	126,619	368.2	3,385	7.3		28.6%	
CTG	Ngân hàng	40.0	-3.5%	1.0	321,940	1139.2	4,292	9.7		25.7%	
HDB	Ngân hàng	29.6	6.9%	1.1	138,396	1068.7	3,009	9.2		23.2%	
MBB	Ngân hàng	27.3	0.4%	1.0	218,693	972.8	3,017	9.0		21.8%	
MSB	Ngân hàng	12.6	0.0%	1.0	39,312	108.6	1,729	7.3		29.4%	
STB	Ngân hàng	57.8	6.8%	0.9	101,990	1345.4	6,519	8.3		13.9%	
TCB	Ngân hàng	35.6	-2.5%	1.1	258,648	985.2	3,111	11.7		22.5%	
TPB	Ngân hàng	17.4	-0.6%	1.1	48,546	173.6	2,358	7.4		25.0%	
VCB	Ngân hàng	71.9	-5.4%	0.8	635,031	1723.9	4,202	18.1		21.5%	
VIB	Ngân hàng	18.4	1.4%	0.8	61,783	249.9	2,225	8.2		5.0%	
VPB	Ngân hàng	29.0	-1.7%	1.0	234,051	1049.1	2,603	11.3		24.9%	
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.6	1.3%	0.9	209,156	1711.3	1,876	14.5		20.1%	
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.0	4.3%	1.0	10,122	214.9	1,184	13.8		4.9%	
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.3	-1.6%	1.0	11,065	151.0	4,150	6.9		2.4%	
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.0	0.5%	1.1	116,541	754.0	2,196	36.7		22.9%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	71.0	4.9%	0.6	141,490	1381.3	4,160	16.3		50.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.0	-2.49%	1.2	9,754	96.1	2,409	18.3	22.0%		
FRT	Bán lẻ	146.0	0.69%	1.0	24,694	50.9	3,620	40.1	32.2%		
BVH	Bảo hiểm	73.2	6.86%	1.1	50,849	152.1	3,578	19.1	26.7%		
DIG	Bất động sản	16.5	-1.20%	1.2	13,300	226.1	516	32.3	3.4%		
DXG	Bất động sản	16.0	0.31%	1.1	17,687	279.1	397	40.1	24.9%		
HDC	Bất động sản	21.6	2.13%	1.1	4,215	86.0	2,445	8.6	2.9%		
HDG	Bất động sản	26.6	0.38%	1.2	9,804	74.6	938	28.2	20.1%		
IDC	Bất động sản	39.5	-1.25%	1.3	15,180	96.5	4,849	8.3	11.7%		
NLG	Bất động sản	31.2	0.65%	1.1	15,038	129.0	2,180	14.2	43.6%		
SIP	Bất động sản	57.1	1.06%	1.0	13,679	32.0	5,474	10.3	3.2%		
SZC	Bất động sản	31.5	-0.63%	0.9	5,697	36.1	1,763	18.0	2.8%		
TCH	Bất động sản	16.0	0.00%	1.3	14,548	126.4	801	19.9	10.8%		
VIC	Bất động sản	153.0	-4.49%	1.5	1,234,506	1420.3	1,147	139.6	3.0%		
VRE	Bất động sản	31.5	-1.10%	1.3	72,260	503.4	2,144	14.8	13.6%		
CMG	Công nghệ Thông tin	36.5	6.89%	1.0	7,942	47.5	1,680	20.3	38.2%		
PLX	Dầu khí	51.8	6.80%	0.8	61,624	757.8	2,090	23.2	14.8%		
PVD	Dầu khí	29.1	-2.19%	0.9	16,510	335.1	1,602	18.5	10.9%		
FTS	Dịch vụ tài chính	33.7	-1.03%	1.2	11,781	50.2	1,262	26.9	25.1%		
MBS	Dịch vụ tài chính	27.7	-0.36%	1.8	18,312	191.1	1,653	16.8	2.3%	15.2%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	103.0	-3.74%	0.9	258,186	374.4	5,014	21.3	2.2%		
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	-2.40%	1.0	44,791	243.2	676	21.6	5.0%		
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.3	0.00%	0.8	33,745	36.6	4,776	13.0	49.0%		
VJC	Du lịch và Giải trí	180.5	-4.70%	0.6	112,051	303.7	2,897	65.4	7.3%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.2	1.69%	1.1	37,450	476.5	2,313	17.9	8.8%		
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.5	0.79%	0.9	26,869	59.3	3,494	18.0	41.3%		
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.6	0.17%	0.7	9,710	117.3	6,185	9.3	7.2%		
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.5	-1.91%	0.9	9,822	112.1	2,090	10.0	10.6%		
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	128.9	4.80%	0.0	14,979	207.0	3,139	39.2	5.0%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	101.5	0.00%	0.8	34,627	75.9	6,910	14.7	49.0%		
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.9	-0.36%	0.8	3,137	46.8	2,535	11.1	48.6%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.6	-0.96%	1.4	2,678	27.7	2,853	7.3	16.8%		
DPM	Hóa chất	24.3	-2.41%	1.0	16,930	132.8	1,212	20.5	4.0%		
GVR	Hóa chất	37.4	2.75%	1.2	145,400	417.3	1,569	23.2	0.5%		
EIB	Ngân hàng	23.1	0.22%	1.1	42,936	492.4	1,635	14.1	3.1%		
LPB	Ngân hàng	41.5	-0.48%	0.4	124,570	141.8	3,469	12.0	0.9%		
NAB	Ngân hàng	14.9	-1.00%	0.0	25,735	21.8	2,337	6.4	1.7%		
OCB	Ngân hàng	12.2	0.41%	0.9	32,223	32.3	1,460	8.3	19.7%		
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	3.53%	1.0	6,982	227.6	571	27.3	5.4%		
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.4	-1.86%	1.2	7,162	25.4	2,829	9.5	3.6%		
BAF	Thực phẩm và đồ uống	38.5	-0.26%	0.6	11,720	53.7	1,715	22.5	3.9%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	52.7	-1.86%	0.8	68,874	331.1	3,373	15.9	58.4%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	59.5	-1.16%	1.0	13,512	61.7	6,944	8.7	19.7%		
BMP	Xây dựng và Vật liệu	174.0	-0.57%	0.4	14,326	26.1	14,639	12.0	85.1%		
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.3	-2.33%	1.0	8,211	50.3	6,245	12.4	49.0%		
CTR	Xây dựng và Vật liệu	107.0	-0.93%	1.0	12,354	181.0	5,128	21.1	5.3%		
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.0	2.82%	1.0	4,118	77.5	3,037	13.5	5.7%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	-0.39%	1.1	7,059	70.8	1,099	11.7	10.7%		
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.6	6.00%	0.8	9,933	307.7	1,377	17.5	13.9%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.3	-0.85%	1.0	15,192	120.6	6,148	3.8	4.6%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.9	0.62%	1.2	21,790	96.9	3,090	15.7	2.5%		

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>